TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 206/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2026
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Thảo
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Sỉ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2026/TLST–HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:180/2026/QĐXXST–HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Ngọc Thúy A, sinh năm 2005. Địa chỉ: số C, ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà A nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án là bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1998. Địa chỉ: số C, đường Đ, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Zhang H, sinh năm 1990. Địa chỉ: số E, tổ V, khu T, thôn H, thị trấn L, huyện N, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Zhang H nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án là bà Lê Thiên N, sinh năm 1998. Địa chỉ: số C, đường Đ, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/5/2026, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - nguyên đơn bà Trịnh Ngọc Thúy A trình bày:

Tháng 11/2025, bà Trịnh Ngọc Thúy A và ông Zhang H có quen biết, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 73/2025 ngày 03/11/2025. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà không có con chung, không có nợ chung, không có tài sản chung. Hiện nay, bà A và ông Zhang H đã bất đồng quan điểm, bất đồng về ngôn ngữ, phong tục. Mâu thuẫn của vợ chồng bà ngày càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay bà A đã về Việt Nam sinh sống từ tháng 01/2026. Do đó, ly hôn là cách tốt nhất để bà và ông Zhang H có cuộc sống tự do cho mỗi người. Vì thế, nay bà A yêu cầu khởi kiện, kính mong Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xem xét giải quyết cho bà được ly hôn. Cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Trịnh Ngọc Thúy A yêu cầu được ly hôn với ông Zhang H. Bà A không yêu cầu ông Zhang H có nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà A ở xa và bận công việc không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Theo nội dung bản tự khai, Đơn xin giải quyết vắng mặt cùng ngày 27/5/2026 được công chứng ngày 27/5/2026 tại Văn phòng C, tỉnh Vĩnh Long, bị đơn ông Zhang H trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Ngọc Thúy A thì ông Zhang H có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông Zhang H đồng ý ly hôn với bà Trịnh Ngọc Thúy A. Ông Zhang H không yêu cầu bà A cấp dưỡng nghĩa vụ vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông Zhang H ở xa, bận nhiều công việc nên không thể có mặt theo sự triệu tập của Tòa án, vì thế ông Zhang H xin vắng mặt trong tất cả những lần triệu tập và quá trình tố tụng xét xử tại Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 21, 28, 35, 39, 469, 477, 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 115 Luật HNGĐ năm 2014; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Ngọc Thúy A. Bà A được ly hôn với ông Zhang H. Bà A và ông Zhang H không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết;

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông Zhang H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng, bà Trịnh Ngọc Thúy A có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010298 ngày 27/5/2026 là đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bà Trịnh Ngọc Thúy A có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Vĩnh Long yêu cầu ly hôn với ông Zhang H, quốc tịch Trung Quốc. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điều 35, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật Tư pháp người chưa thành niên, luật Phá sản và luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[3] Về tố tụng: Bà Trịnh Ngọc Thúy A và ông Zhang H có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Tháng 11/2025, bà Trịnh Ngọc Thúy A và ông Zhang H có quen biết, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 73/2025 ngày 03/11/2025. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung, không có nợ chung, không có tài sản chung. Hiện nay, bà A và ông Zhang H đã bất đồng quan điểm, bất đồng về ngôn ngữ, phong tục. Mâu thuẫn của vợ chồng bà ngày càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay bà A đã về Việt Nam sinh sống từ tháng 01/2026. Mặt khác, ông Zhang H cũng đồng ý ly hôn với bà A nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trịnh Ngọc Thúy A là phù hợp. Cho bà Thúy A được ly hôn với ông Zhang H. Ghi nhận ý kiến của bà A và ông Zhang H không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông Zhang H đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà A phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 273, 469, 477, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trịnh Ngọc Thúy A. Bà Trịnh Ngọc Thúy A được ly hôn với ông Zhang H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông Zhang H đều trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà A phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm

nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010298 ngày 27/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Như vậy án phí bà A đã nộp xong.

4. Quyền kháng cáo: Bà Trịnh Ngọc Thúy A được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ. Đối với ông Zhang H thời hạn kháng cáo Bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc